

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 185/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Nguyễn Văn K**, sinh ngày 10/10/1976, CCCD số: 049076016377 do Cục C về TTXH cấp ngày 10/07/2023. Địa chỉ: 7 Quốc lộ A, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà **Phan Thị L**, sinh ngày 07/07/1977, CCCD số: 049177002088 do Cục C về TTXH cấp ngày 27/04/2021. Địa chỉ: 3 đường N, tổ B, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị L đi đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam - nay là xã Q, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 05 tháng 4 năm 2005. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị L thì thấy: Hai bên tự nguyện thỏa thuận chấm dứt quan hệ hôn nhân, đã được Tòa án tiến hành hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng đoàn tụ không thành. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Ông K và bà L xác định vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 06/04/2006 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Ông K và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Các vấn đề khác: Ông K và bà L xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[6] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông K và bà Liên N chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn K và bà Phan Thị L (*Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01 do UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam - nay là xã Q, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05 tháng*

4 năm 2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật).

1.2 Về con chung: Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 06/04/2006 đã trưởng thành nên không Tòa án không xem xét.

1.3 Về tài sản chung: Ông K và bà L tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

1.4 Các vấn đề khác: Ông K và bà L xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông K và bà L tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003746 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông K và bà L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND xã Quế Sơn, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

